



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng số 1

Ngày 30/06/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	4.2%	14.9%

DT thuần Q2/25
185
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 96.0 107%
YoY: ▲ 79.0 74.1%

LN thuần Q2/25
2.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.16 90.9%
YoY: ▼ 1.51 -38.1%

LN sau thuế Q2/25
1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.11 177%
YoY: ▲ 0.19 12.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
2.7%
YoY: +/- ▼ 1.5%

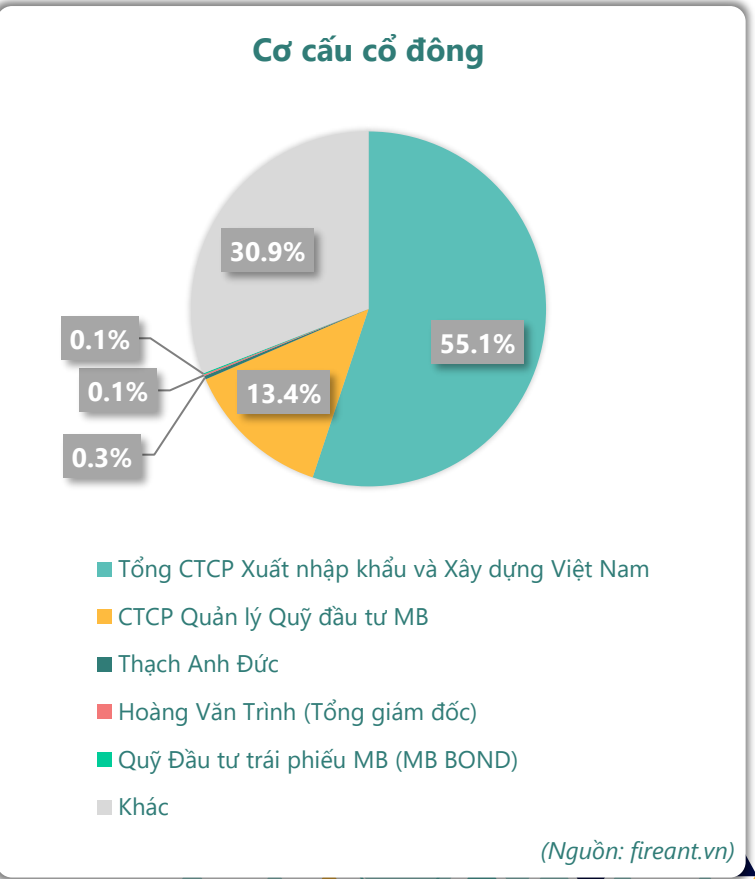
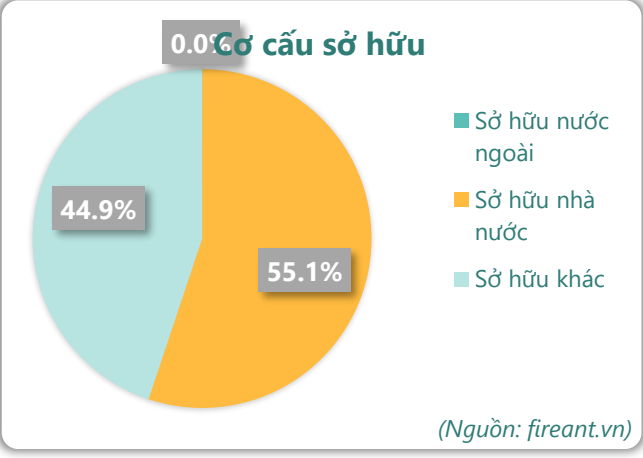
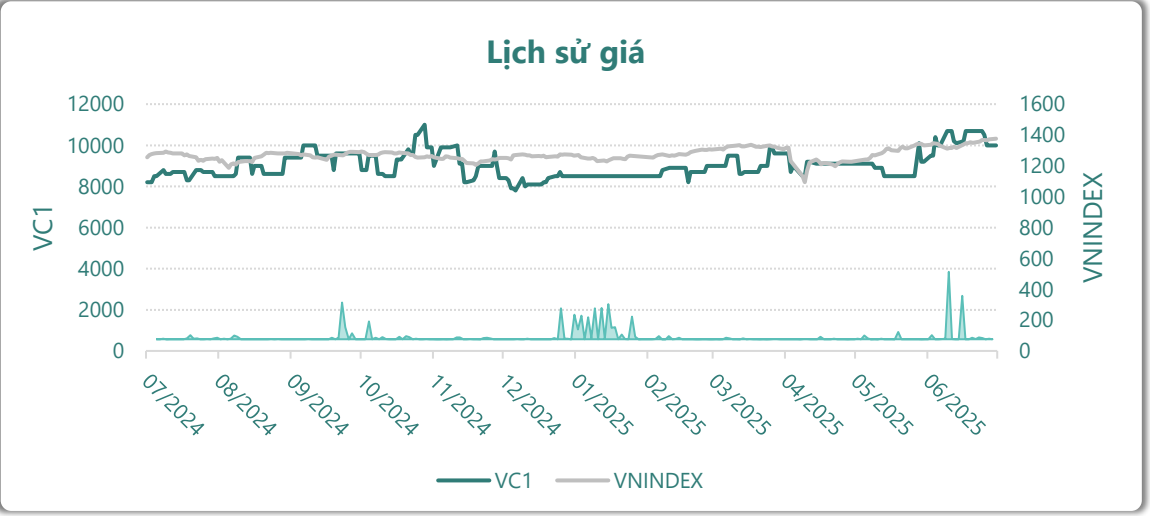
ROE (TTM) Q2/25
1.4%
YoY: +/- ▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,800 - 11,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	805
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.67
EPS	304
P/E	32.9

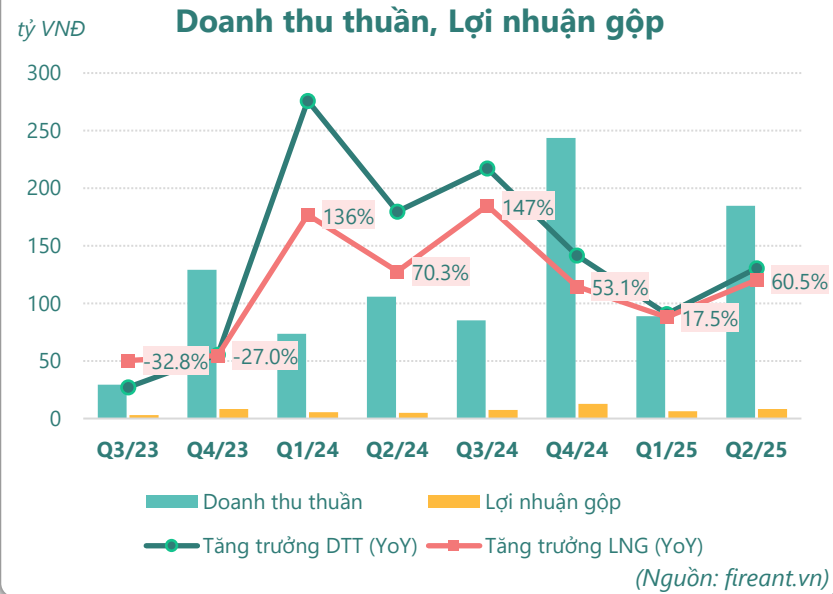
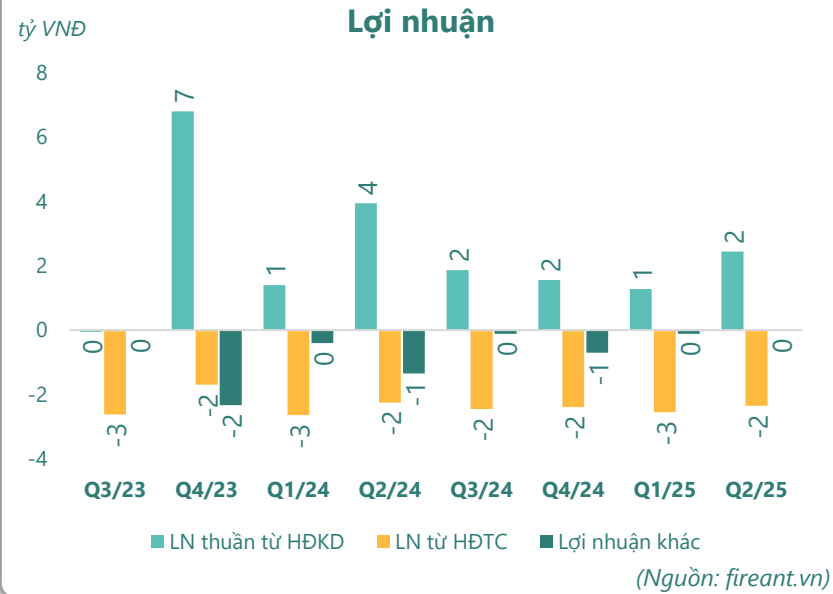
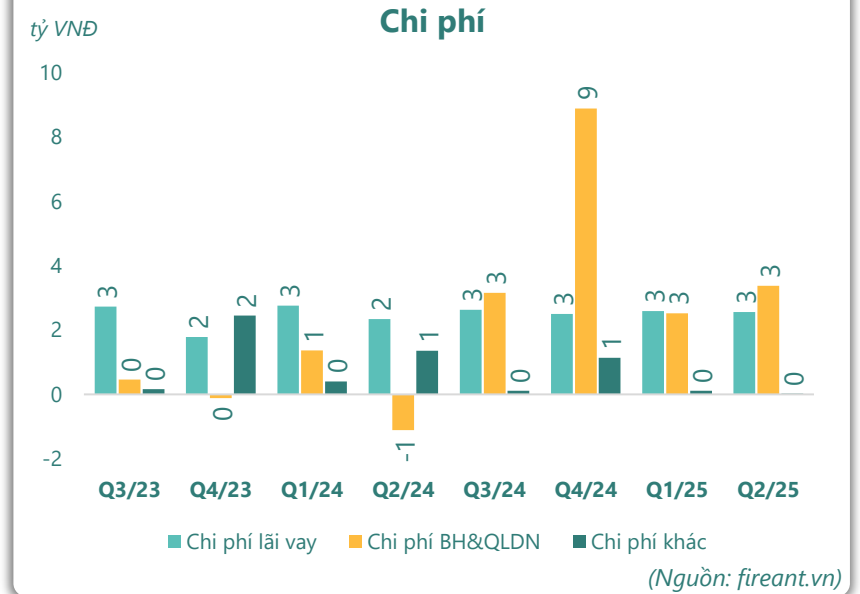
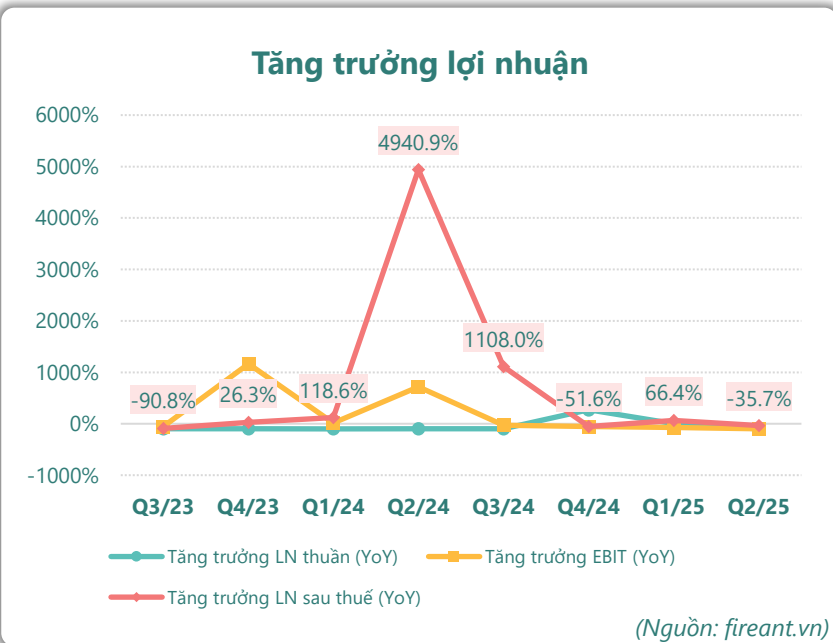
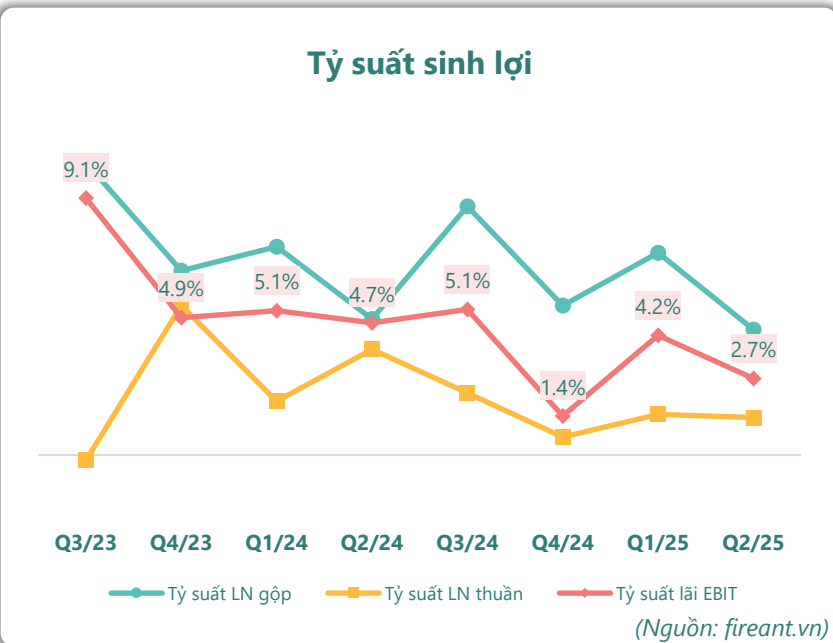
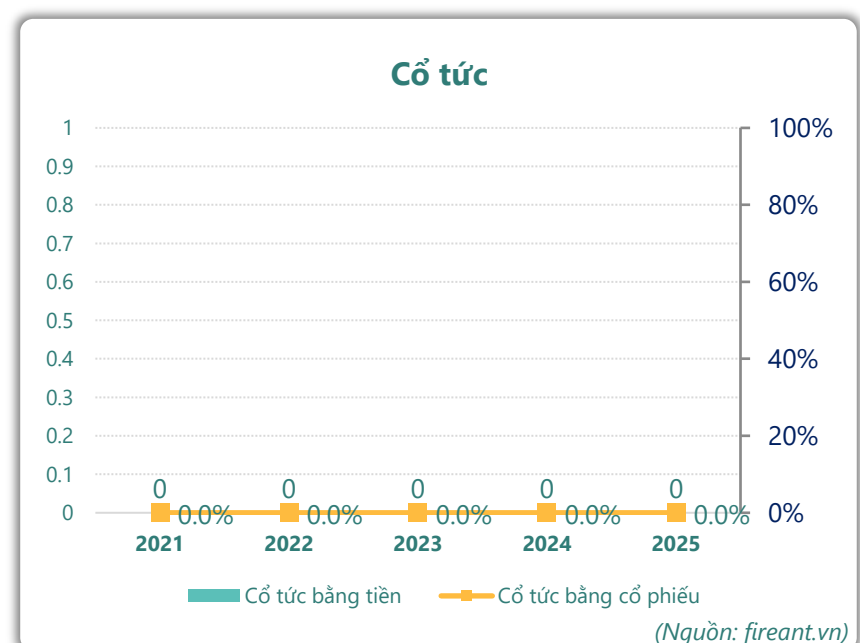
DT thuần 6T 2025
274
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 94.0 52.4%

LN thuần 6T 2025
3.72
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.63 -30.4%

LN sau thuế 6T 2025
2.37
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.15 6.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH



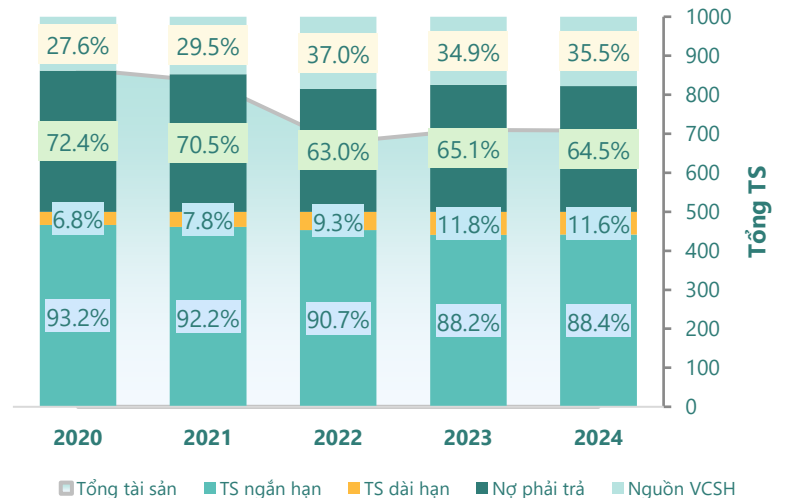


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

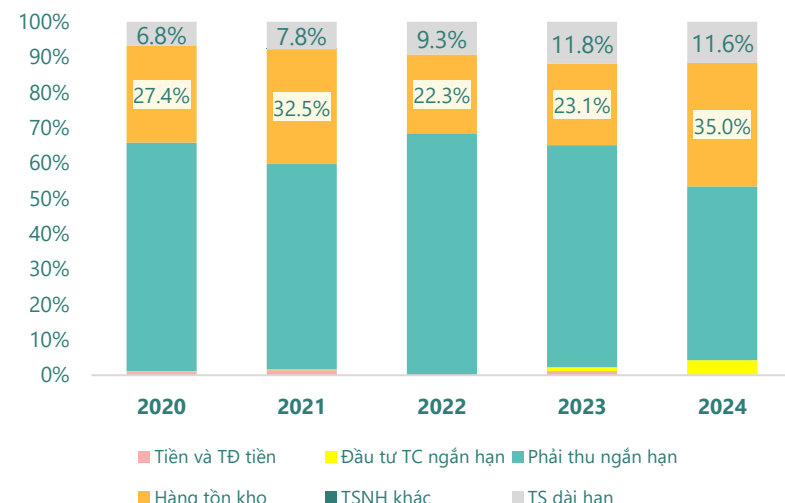
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

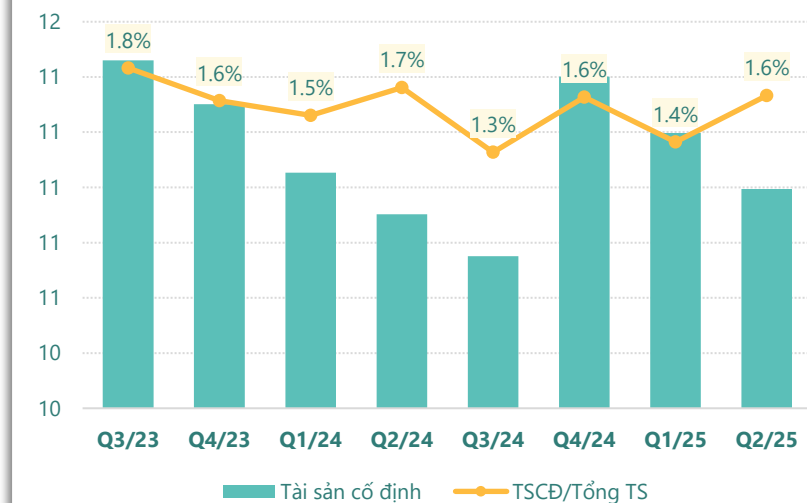
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

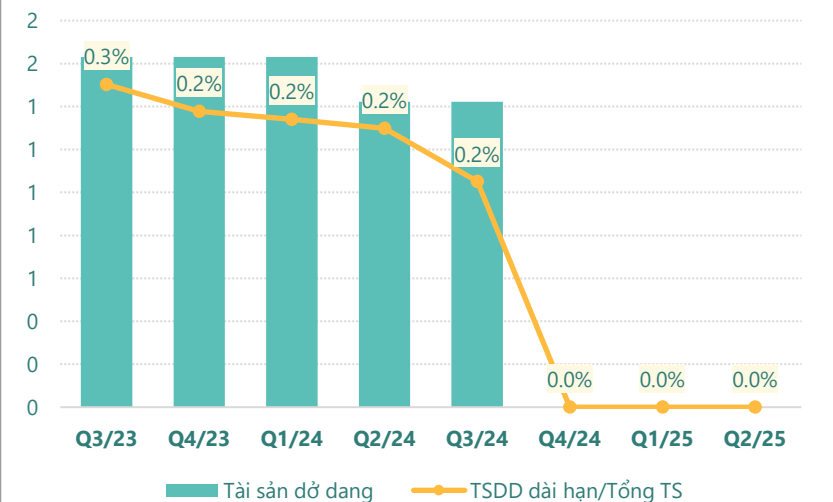
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

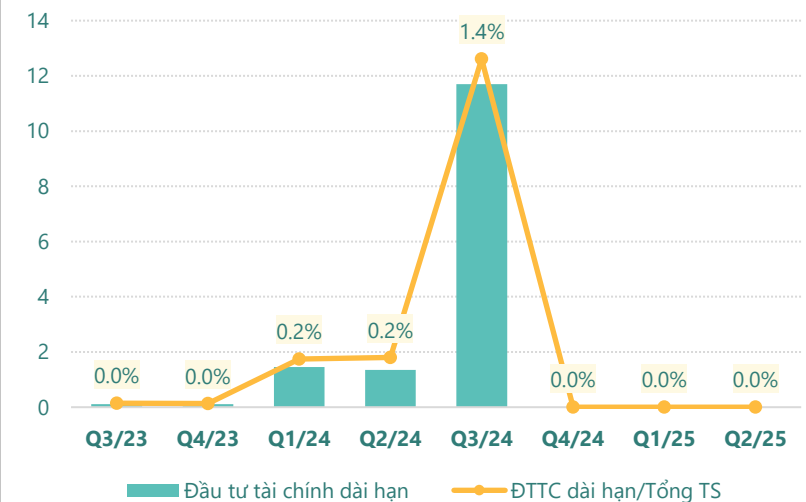
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

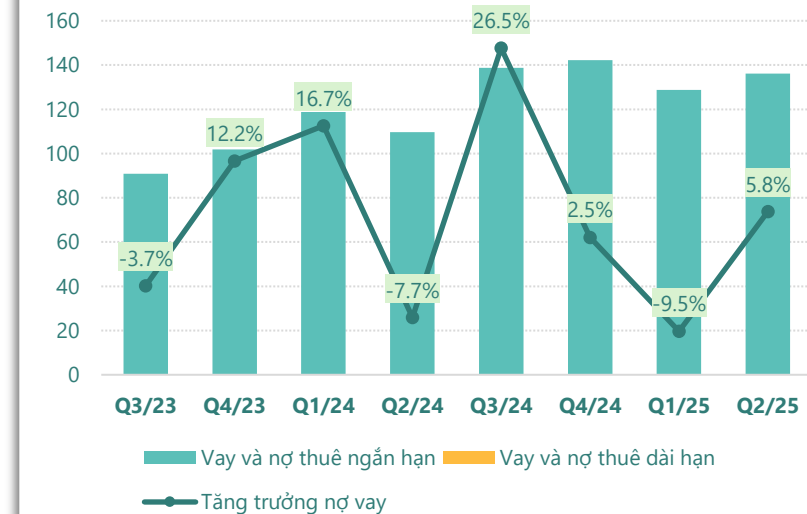
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

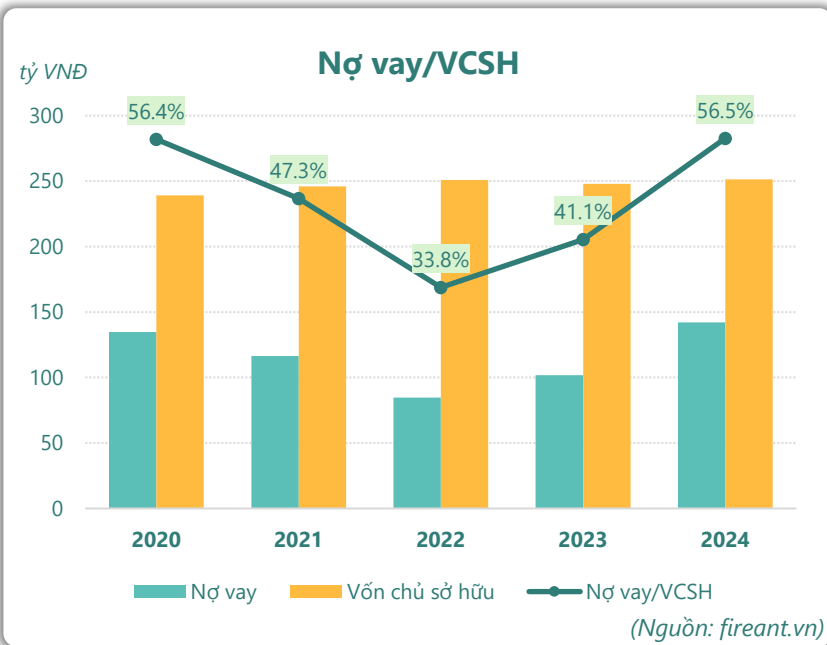
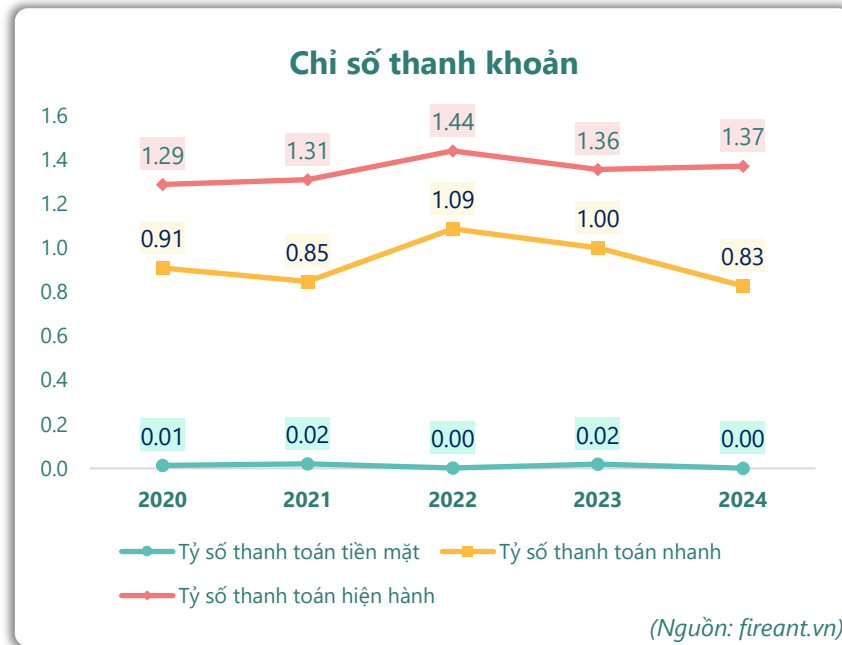
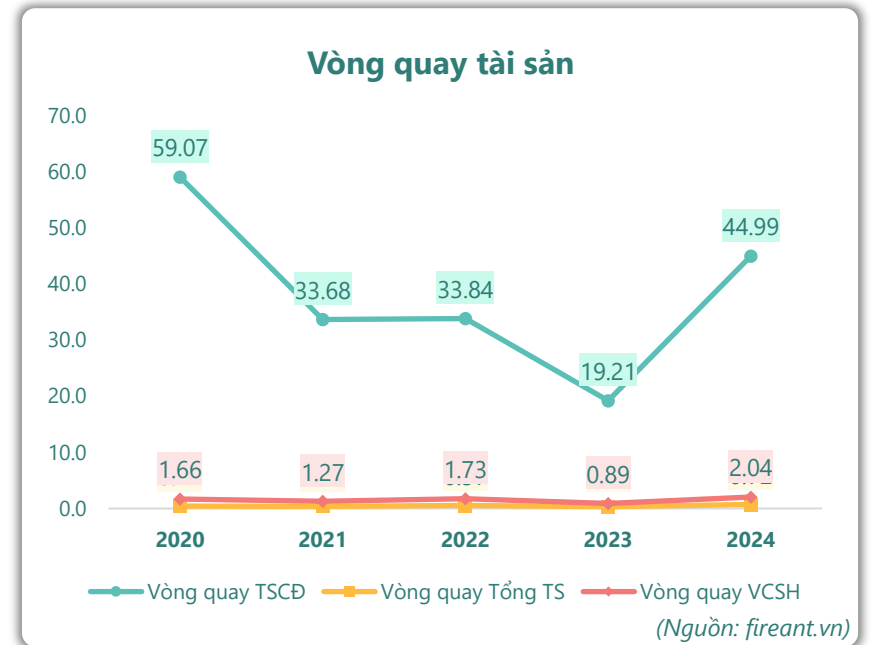
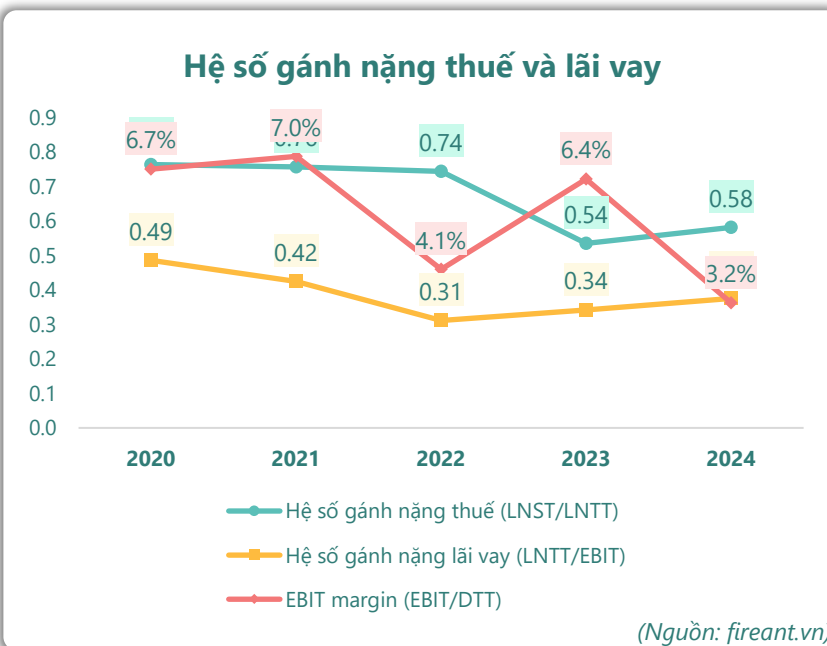
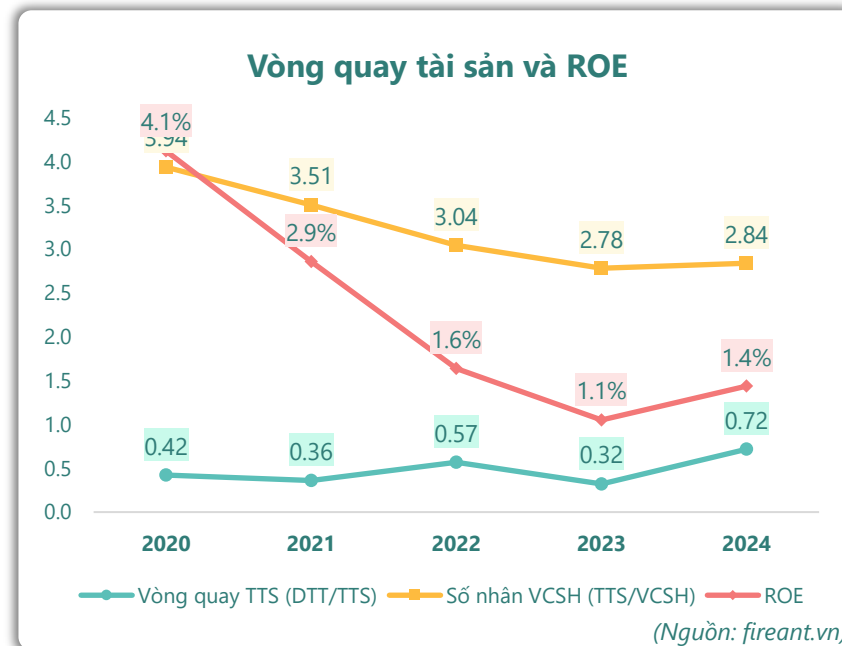
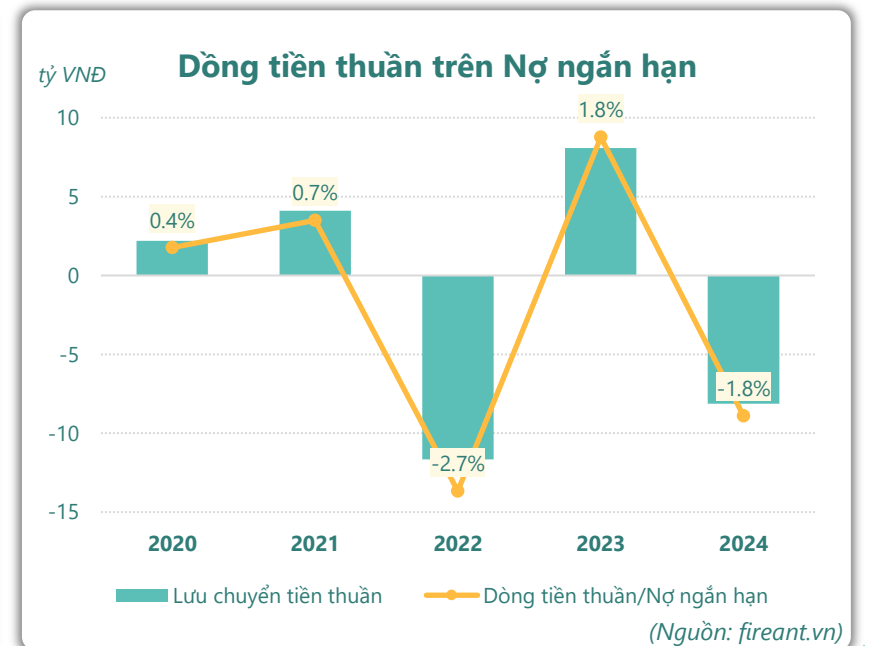
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	185	106	74.1%	274	180	52.4%
Giá vốn hàng bán	176	101	74.7%	259	169	53.3%
Lợi nhuận gộp	8.18	5.10	60.3%	14.5	10.5	38.4%
Doanh thu HĐTC	0.21	0.19	10.0%	0.24	0.30	-19.3%
Chi phí TC	2.57	2.45	4.8%	5.16	5.21	-0.9%
Chi phí lãi vay	2.57	2.34	9.7%	5.16	5.10	1.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.38	-1.11	404%	5.90	0.26	2195%
LN thuần từ HĐKD	2.44	3.95	-38.1%	3.72	5.35	-30.4%
Lợi nhuận khác	-0.02	-1.35	98.3%	-0.13	-1.75	92.4%
LN trước thuế	2.42	2.60	-6.9%	3.59	3.59	-0.2%
Lợi nhuận sau thuế	1.74	1.55	12.6%	2.37	2.22	6.8%
LNST của CĐ cty mẹ	1.74	1.55	12.6%	2.37	2.22	6.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.3	15.3	-12.9	-10.0	3.39	3.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.06	-4.56	-11.7	-0.28	11.9	-3.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.0	-9.18	29.1	3.43	-13.5	7.37
Tiền đầu kỳ	8.55	1.15	2.76	7.29	0.43	2.20
Lưu chuyển tiền thuần	-7.40	1.61	4.53	-6.86	1.77	7.07
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.15	2.76	7.29	0.43	2.20	9.27

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	679	708	-4.1%
Tài sản ngắn hạn	599	626	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	9.27	0.43	2066%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	22.0	29.9	-26.6%
Phải thu ngắn hạn	404	348	16.2%
Hàng tồn kho	164	248	-33.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	80.2	82.4	-2.7%
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	11.0	11.4	-3.6%
Bất động sản đầu tư	67.5	68.4	-1.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.71	2.55	-33.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	426	457	-6.8%
Nợ ngắn hạn	425	457	-6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	136	142	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	188	176	6.6%
Nợ dài hạn	0.64	0.16	288%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	254	251	0.9%
Vốn chủ sở hữu	254	251	0.9%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

